Phụ lục 1

DANH MỤC LẬP QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ, QUY HOẠCH CHUNG XÃ, QUY HOẠCH PHÂN KHU NĂM 2025

(kèm theo Kế hoạch số 171.../KH-UBND ngày 14.. tháng 11 năm 2025)

STT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập quy hoạch (ha)	Ghi chú
	Quy hoạch chung đô thị			
1	Quy hoạch chung đô thị Long Thành	1/10.000	43.000	đang thực hiện
2	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị Biên Hòa	1/10.000	35.196	
3	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch.	1/10.000	37.678	
4	Quy hoạch chung đô thị Trảng Bom	1/10.000	30.833	
5	Quy hoạch chung đô thị mở rộng gồm phường Đồng Xoài, Bình Phước và xã Đồng Phú	1/10.000	30.637	Đánh giá đạt các tiêu chí tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn
6	Quy hoạch chung đô thị mới Lộc Ninh (có khu vực chồng lấn khu kinh tế cửa khẩu cần phải đáp ứng sự đồng bộ và thống nhất tại khu vực chồng lấn theo khoản 2 Điều 5 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn)	1/10.000	22.473	
7	Quy hoạch chung đô thị mới Tân Khai	1/10.000	16.179	
8	Quy hoạch chung đô thị mới Trị An	1/10.000	66.046	

STT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập quy hoạch (ha)	Ghi chú
9	Quy hoạch chung đô thị phường Phước Bình và phường Phước Long	1/10.000	14.444	
10	Quy hoạch chung đô thị mới Phú Riềng	1/10.000	11.737	
11	Quy hoạch chung đô thị mới Cẩm Mỹ - Xuân Quế	1/10.000	20.605	
12	Quy hoạch chung đô thị mở rộng phường Minh Hưng, Chơn Thành, Xã Nha Bích	1/10.000	36.114	Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 07/8/2025 của UBND xã Nha Bích
	Quy hoạch chung xã			
1	Quy hoạch chung xã Xuân Hòa	1/10.000	30.596	
2	Quy hoạch chung xã Tân Quan	1/10.000	14.831	
3	Quy hoạch chung xã Minh Đức	1/10.000	16.711	
4	Quy hoạch chung xã Đồng Tâm	1/10.000	24.878	
5	Quy hoạch chung xã Thuận Lợi	1/10.000	16.723	
6	Quy hoạch chung xã Lộc Tấn	1/10.000	18.336	Có khu vực chồng lấn khu kinh tế cửa khẩu cần phải đáp ứng sự đồng bộ và thống nhất tại khu vực chồng lấn theo khoản Điều 5 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

STT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập quy hoạch (ha)	Ghi chú
7	Quy hoạch chung xã Bù Gia Mập đến 2035 đã được duyệt nhiệm vụ quy hoạch, hiện đang lậpquy hoạch nhưng chưa được phê duyệt, tiếp tục rà soát phê duyệt năm 2025	1/10.000	34.251	
8	Quy hoạch chung xã Phú Nghĩa	1/10.000	27.940	
9	Quy hoạch chung xã Thọ Sơn		30.769	
10	Quy hoạch chung xã Lộc Quang	1/10.000	10.495	
11	Quy hoạch chung xã Tân Tiến	1/10.000	14.747	
12	Quy hoạch chung xã Đa Kia	1/10.000	19.625	
13	Quy hoạch chung xã Đak Nhau	1/10.000	18.247	
14	Quy hoạch chung xã Tân Hưng	1/10.000	20.466	
15	Xã Lộc Thạnh		12.549	xã Lộc Thạnh mới nằm hoàn toàn trong phạm vi Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, do đó không tổ chức lập riêng quy hoạch chung xã Lộc Thạnh theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. Điều chỉnh quy hoạch

STT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập quy hoạch (ha)	Ghi chú
				chung Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư phải thể hiện đầy đủ nội dung định hướng phát triển của xã Lộc Thạnh
	Quy hoạch phân khu			
1	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Phước Tân	1/2.000	4.283	Đã có chủ trương
2	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Trấn Biên	1/2.000	3.100	Đã có chủ trương
3	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Biên Hòa	1/2.000	2.150	Đã có chủ trương
4	Lập trước Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Đại Phước 1 phạm vi động lực theo Nghị quyết 66.1	1/2.000	3131	Đã có chủ trương
5	Lập trước Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Phước An 1 phạm vi động lực theo Nghị quyết 66.1	1/2.000	2400	Đã có chủ trương
6	Lập trước quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Nhơn Trạch 1 phạm vi động lực theo Nghị quyết 66.1	1/2.000	1660	Đã có chủ trương. Kết quả thẩm định dự toán kinh phí của Sở Xây dựng tại Tờ Trình số 116/TTr-SXD ngày 27/9/2025
7	Lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị - dịch vụ Long Thành tại xã An Phước	1/2.000	2082	Đã duyệt nhiệm vụ
8	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu tổ hợp đổi mới sáng tạo xã Bình An tổ hợp đổi mới	1/2.000	300	Đã có chủ trương
9	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành tại xã An phước và Bình An	1/2.000	119,35	Đã có chủ trương

STT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập quy hoạch (ha)	Ghi chú
10	Quy hoạch phân khu 1/2000 khu vực cửa ngõ phía Tây Cảng hàng không quốc tế Long Thành (khoảng 6.483 ha) (tại xã Long Thành và Long Phước)	1/2.000	6.483	Đã có chủ trương
11	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi toàn bộ xã Trảng Bom	1/2.000	6.877	
12	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Trảng Dài	1/2.000	3.729	
13	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Đại Phước 2	1/2.000	3.082,19	
14	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Đại Phước 3	1/2.000	3.587,43	
15	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Phước An 2	1/2.000	3.949,00	
16	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Phước An 3	1/2.000	3.611,00	
17	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Nhơn Trạch 2	1/2.000	5.189	
18	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Nhơn Trạch 3	1/2.000	2.006	
19	Quy hoạch phân khu 1/2000 khu đô thị suối Cam. (đang lập quy hoạch)	1/2.000	2.080	
20	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị thương mại, dịch vụ Long Thành, tại xã Long Thành	1/2.000	4.753	
21	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp Công nghệ cao xã Thuận Lợi Địa điểm: Xã Thuận Lợi, tỉnh Đồng Nai	1/2.000	1.400	

Lưu ý: *- Tên cụ thể các đồ án quy hoạch, quy mô, phạm vi, ranh giới sẽ được rà soát đánh giá xem xét đề xuất cụ thể khi xây dựng chủ trương và lập nhiệm vụ quy hoạch;*